

BUSHIDO (武士道) - TINH THẦN THƯỢNG VÕ TRONG TRUYỆN NGẮN MISHIMA YUKIO

Đào Thị Thu Hằng

Phòng Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong sự nghiệp của mình, Mishima Yukio luôn thể hiện như một nhà văn của tinh thần thượng võ và cái đẹp. Nghiên cứu truyện ngắn ông, chúng ta có thể thấy một Mishima đầy lòng trung quân ái quốc với nhiều tiêu chí được đẩy đến cực hạn. “Bushido” hay “tinh thần thượng võ” là điều ông không chỉ kế thừa từ hoàn cảnh gia đình, từ hoàn cảnh Nhật Bản bảo hoàng thời kì bấy giờ mà còn từ bộ sách yêu thích *Hagakure*. Trong tác phẩm của ông, con người lí tưởng theo tinh thần bushido chính là hình ảnh đầy khí tiết của người samurai hiện đại: trung quân ái quốc, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và cho dù mỗi phút giây của sự sống hay cái chết, con người ấy cũng đều tận hiến với một vẻ đẹp mãnh liệt hiếm thấy. Tuy nhiên, chính do xu hướng bị hấp dẫn bởi cái chết nên tác phẩm của ông mang hơi hướng cuồng tử. Đây có lẽ chính là hạn chế đáng tiếc của một thiên tài mà người đời vẫn ngợi ca như một “bông hoa ác” đầy kì dị.

Từ khóa: Mishima Yukio, cuồng tử, bushido, trung quân ái quốc, tinh thần thượng võ.

1. Mở đầu

Mishima Yukio (tên thật là Hiraoka Kimitake) là một trong những nhà văn đặc biệt nhất xứ sở hoa anh đào, và sinh thời – là văn nhân Nhật Bản nổi tiếng trên toàn thế giới. Sinh năm 1925 giữa thủ đô Tokyo trong một gia đình quý tộc có nguồn gốc samurai, Mishima ở với ông bà nội – những người có tính tình hà khắc tới năm 12 tuổi mới về sống cùng cha mẹ, nhưng cha ông cũng là một người rất kỉ luật và không ủng hộ sở thích văn chương mà ông cho là “õng ẹo” của Mishima,... Những điều này ảnh hưởng nhiều đến tâm tư Mishima sau này. Tuy vậy, đam mê văn chương trong Mishima là một ngọn lửa vô cùng mãnh liệt, không ai, không gì có thể dập tắt được. Xuất bản tác phẩm từ rất sớm khi còn đi học và ẩn danh bằng bút danh Mishima, ông được mẹ, thầy giáo âm thầm ủng hộ. Sau này, Kawabata – một nhà văn tiền bối có phong cách rất khác cũng trở thành người đỡ đầu, bạn tâm giao với ông trong văn giới. Mishima vẫn thuận theo gia đình, tốt nghiệp Đại học danh giá Tokyo và về làm việc tại Bộ Tài chính. Tuy nhiên sau một năm mệt mỏi, chính cha ông – người trước đây luôn tìm cách xé, đốt bản thảo đã đầu hàng và cho con trai nghỉ việc để trở thành nhà văn toàn thời gian. Từ đây, Nhật Bản bắt đầu có một nhà văn vô cùng độc đáo với nhiều tranh cãi trái chiều.

Mishima đa tài, thành công trên nhiều thể loại văn chương từ truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch Noh hiện đại tới phê bình, ông thậm chí còn tự sản xuất phim và đóng vai chính trong các tác phẩm chuyển thể của mình. Bản thân cuộc đời và sự nghiệp gây nhiều sóng gió và tranh cãi của Mishima đã gây nhiều hứng thú với độc giả, việc người ta gọi ông là “Hemingway của Nhật Bản” đã cho thấy sức hấp dẫn lớn lao của một cuộc đời nhiều thành tựu nhưng cũng không kém phần bi thương.

Ngày nhận bài: 2/1/2022. Ngày sửa bài: 29/1/2022. Ngày nhận đăng: 10/2/2022.

Tác giả liên hệ: Đào Thị Thu Hằng. Địa chỉ e-mail: daothuhang@hnue.edu.vn

Nói đến Mishima, hẳn độc giả Việt Nam cảm thấy quen thuộc với các tiểu thuyết *Khát vọng yêu đương* (Ai no Kawaki - 1950), *Tiếng sóng* (Shiosai - 1954), *Ngôi đền vàng* (Kinkakuji - 1956), *Sau bữa tiệc* (Utage no Ato - 1960),... những tiểu thuyết thể hiện quan điểm về chính trị, tình yêu, cái đẹp,... của Mishima, hơn là các truyện ngắn – nơi ông thỏa sức thể hiện tinh thần thượng võ, lòng yêu nước (bị cho là cực đoan) – nhưng chính điều này mới thực sự làm nên bản sắc của ông.

Bushido – tinh thần võ sĩ đạo trong tác phẩm của Mishima là vấn đề ít nhiều đã được các nhà nghiên cứu đề cập. Bushido hiểu đơn giản là tinh thần thượng võ, tinh thần chính nghĩa của người samurai khi đối diện với đời. Khi ấy, cái nhân – nghĩa – lễ – trí – tín sẽ được bộc lộ trong suy nghĩ, hành xử. Trong hệ thống tác phẩm nói chung và truyện ngắn của Mishima nói riêng, hầu như vắng bóng các nhân vật là samurai nhưng tinh thần trượng nghĩa luôn được thể hiện qua những con người bình thường, đời thường. Nghiên cứu sâu nhất về vấn đề này có thể kể đến công trình của Michiaki Fujii: *Yukio Mishima and Hagakure: Bushido that Modern Japanese Bookmen Practiced* (Yukio Mishima và *Hagakure*: chôn học giả Nhật Bản hiện đại thực hành tinh thần võ sĩ đạo) [1; pp.255-288]. Bài viết chỉ rõ ảnh hưởng của tinh thần Bushido trong cuốn *Hagakure* – sách gối đầu của giới samurai.

Trên tờ *Japan today* (Nhật Bản ngày nay) Kanagawa với bài viết *Mishima Yukio – “the lost samurai”* (Mishima Yukio – người Samurai lạc lối) cũng đã chỉ rõ ảnh hưởng của bà nội – người có nguồn gốc quý tộc “đã thâm nhuần vào cháu trai mình một sự tôn kính đối với quá khứ của Nhật Bản, và sự say mê của các samurai với vẻ đẹp, sự thuần khiết với cái chết” [2].

Trong bài viết *Mishima Yukio: phân cực giữa mỹ học và ý thức hệ cuồng tín* (Yukio Mishima: Thymos between aesthetics and ideological fanaticism), Rodica Frențiu cho rằng “Trong trường hợp của Yukio Mishima, tôn giáo của ông được gọi là bushido, đạo đức của tầng lớp samurai, một hệ tư tưởng chiến binh quý tộc tập trung vào việc mạo hiểm cuộc sống của cá nhân mà không khuyến khích cuộc sống giàu có và nhàn nhã của chủ nhân ngoài khổ hạnh, kiềm chế và trầm tư mặc tưởng. Và chủ nghĩa cực đoan mà ông muốn được thừa nhận đã khiến ông quyết tâm sửa soạn đường đầu đề lưu giữ các giá trị truyền thống Nhật Bản, trong số đó có giá trị của biểu tượng Thiên hoàng. Sự thỏa hiệp không còn có chỗ đứng trong những niềm đam mê đầy tham vọng này nữa. Trong quá trình tìm kiếm “công lí”, lương tâm này đã biến thành sự cuồng tín thuần túy, nổi ám ảnh và lòng căm thù, khi ấy niềm tự hào mạnh mẽ của người đàn ông trở nên vô lí trước những gì liên quan đến hệ thống chính trị và lối sống” [3;82].

Ở Việt Nam, các tác giả như Khương Việt Hà, Đào Thị Thu Hằng, Hoàng Hà Linh,... cũng đều nhắc đến Mishima như biểu tượng của sức mạnh nam tính và tinh thần thượng võ Nhật Bản. Khương Việt Hà cho rằng trong tác phẩm của Mishima, những “lưỡng cực thẩm mỹ” như ánh sáng và bóng tối, thực tại và huyền mộng, sự sống và cái chết cùng tồn tại song hành [4]. Trong một công trình của mình, chúng tôi cũng từng khẳng định, nếu như Kawabata thiên về vẻ đẹp nữ tính thì Mishima lại chuộng vẻ nam tính hơn cả và là “một bậc thầy về tâm lí đàn ông” [5]. Hoàng Hà Linh thì coi Mishima là một “Hemingway Nhật Bản” [6]...

Tựu trung lại, các nghiên cứu đều khẳng định chất nam tính, tinh thần ái quốc của Mishima, ngoài công trình của Michiaki Fujii [1] nghiên cứu Mishima trong tương quan so sánh với *Hagakure*, thì chưa có bài viết nào trực tiếp đề cập đến tinh thần ấy trong truyện ngắn của ông – thể loại mà, theo chúng tôi, thể hiện đầy đủ nhất, tinh tế nhất tư tưởng ái quốc đến cuồng nộ của Mishima. Nghiên cứu này của chúng tôi hi vọng mở ra một cái nhìn mới về những đóng góp cũng như hạn chế của Mishima, trả lại cho ông một cái nhìn công bằng so với những áp đặt phiến diện của người đương thời.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Ảnh hưởng của bạn bè, gia đình và bộ sách *Harakuru* tới sáng tác của Mishima

Khi bước vào tuổi trưởng thành, Mishima có một tình bạn vong niên vô cùng đẹp đẽ với Kawabata Yasunari. Tình bạn đặc biệt này kéo dài cho đến những ngày cuối đời. Kawabata chính là người đã giới thiệu tác phẩm *Tabako* (Thuốc lá) của Mishima trên tạp chí *Ningen* (Con người) vào năm 1946. Kawabata – với Mishima – như một người anh, một người cha, dù tính cách hai người hoàn toàn đối lập cả trong văn chương cũng như ngoài đời. Mishima mạnh mẽ, nam tính, có phần phô trương còn Kawabata lại nhẹ nhàng, điềm đạm, kín đáo. Luôn dõi theo văn nghiệp, đỡ đầu đám cưới cũng như chủ tang đám ma cho Mishima, có thể nói Kawabata đã đi bên Mishima gần trọn cuộc đời. Chỉ một chi tiết: “Niềm an ủi của Kawabata trong suốt những năm chiến tranh là *Truyện Genji*, còn của Mishima là *Hagakure* – quyển sách huấn luyện samurai thế kỉ XVII” [7; p.1183] đã nói lên tất cả sở thích, văn phong mà hai ông chịu ảnh hưởng trong văn nghiệp của mình.

Hagakure có nghĩa là *diệp ẩn* - ẩn mình sau lá. Tên đầy đủ là *Hagakure kiki-gari* nghĩa đen là “Ghi chép ẩn mình sau lá”, bản dịch ở Việt Nam đặt tên theo tinh thần của cuốn sách là “*Hagakure* luận đàm về cốt tủy võ sĩ đạo”. Tư tưởng võ sĩ đạo trong *Hagakure* với tinh thần chí khí mạnh mẽ, trung quân ái quốc, vượt khó đến mức cực đoan khiến cuốn sách này liên tục lọt vào các bảng bình chọn các cuốn sách làm thay đổi cuộc đời! Khi công cuộc tái thiết và phát triển nước Nhật sau chiến tranh thế giới lần thứ hai được khởi xướng, *Hagakure* chính là nguồn cảm hứng để xứ sở mặt trời trời dậy trở thành cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới. Đến thập niên 1980, thế giới phương Tây một lần nữa tò mò về nước Nhật hùng mạnh về kinh tế, Harakuge lại được tìm đọc, phân tích, và tiếp tục được ngưỡng mộ cả trong và ngoài nước Nhật. Yukio Mishima, với tư tưởng cực đoan cuồng tín về lòng trung quân ái quốc hiếm có đương nhiên vô cùng ái mộ *Harakuge*, coi đó là kim chỉ nam trong cả cuộc sống lẫn sáng tác. Quả vậy, *Hagakure* đề cao trí thông minh, lòng quả cảm và sự hào sảng – kể cả là sự hào sảng đến từ người phụ nữ [8; tr.348-349]. Lí tưởng trong *Hagakure* cũng gắn với giá trị muôn đời của một người quân tử bởi, một người Samurai “nếu không can đảm ở bên ngoài và chận chứa một lòng nhân từ vĩ đại ở bên trong, thì anh ta không thể nào thi hành nhiệm vụ” [8; tr.378]. Tuy nhiên, do yếu tố thời đại, *Hagakure* cũng có nhiều hạn chế về lòng trung thành, quan niệm về sự sống và cái chết,... mà có lẽ một người yêu nước “ngây thơ và cực đoan” như Mishima không khỏi có những sai lầm khi tiếp nhận.

Dưới cái nhìn của Yukio Mishima, Nhật Bản đương thời thực dụng và chuộng vật chất, dường như trở nên cực kì bi quan. Có lẽ điều này chính là điểm gặp gỡ với Kawabata dù hai người đứng ở hai thái cực hoàn toàn trái ngược. Tiếc nuối, muốn giữ gìn truyền thống theo cách của riêng mình, cả trong cuộc đời lẫn trang sách, khiến cho đôi bạn văn chương tài năng có được một tình bạn hiếm có. Sinh thời, Mishima từng viết bài nghiên cứu về Kawabata (*The eternal traveler: Kawabata Yasunari: the man and his works – Lữ nhân vĩnh viễn: Kawabata Yasunari con người và tác phẩm*, Besatsu Bungei Syunjyū, No.51) và gọi ông là “người lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp” [7]. Đồng cảm là vậy, nhưng đích đến hoàn toàn khác biệt đã làm nên bản sắc của hai nhà văn lớn. Nếu Kawabata luôn muốn nâng niu gìn giữ và “bị cuốn hút bởi cái đẹp trình trướng vì nó là cái không thể tồn tại lâu dài” [7; p.794], thì Mishima lại muốn khai thị cái đẹp khi nó đang ở đỉnh cao để bắt tử hóa nó trong lòng người ở lại.

Gia đình Mishima cũng chính là cái nôi nuôi dưỡng tinh thần thượng võ trong ông. Bản chất Mishima vốn là người yêu duỗi, yêu thích văn chương, nhưng từ thuở nhỏ đến tận năm 12 tuổi đã được cha mẹ đưa đến ở với ông bà nội. Bà nội Natsuko Hiraoka của Mishima vốn thuộc dòng dõi quý tộc có nguồn gốc samurai, bà là người đã trực tiếp nuôi dạy Mishima với những quan niệm khắc nghiệt. Các nhà nghiên cứu đương thời đã từng chỉ ra nỗi ám ảnh với cái chết của Mishima có nguồn gốc từ Natsuko. Bên cạnh bà nội, Mishima cũng có một người cha khắc

nghiệt, luôn tìm cách ngăn chặn những sở thích mà ông cho là “yếu đuối” của Mishima. Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra, mặc dù có gia đình và hai con, Mishima vẫn có quan hệ riêng tư với nhiều người đàn ông khác, cho thấy sức hấp dẫn mãnh liệt của thiên tính nam đối với ông. Mishima yêu vẻ đẹp nam tính mạnh mẽ, yêu văn hóa Nhật với tinh thần thượng võ và ái quốc vĩ đại, ông giỏi karatedo, kiếm đạo, lại mang tư tưởng bảo hoàng,... đây cũng chính là những tiền đề tạo nên cá tính con người và văn chương của ông.

2.2. Con người lí tưởng theo tinh thần bushido

Chúng ta có thể thấy, con người lí tưởng theo tinh thần bushido Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng, gặp gỡ với con người lí tưởng theo tiêu chí người anh hùng – người quân tử nói chung theo quan niệm của người Á đông. Một người samurai “nếu không can đảm ở bên ngoài và chan chứa một lòng nhân từ vĩ đại ở bên trong, thì anh ta không thể nào thi hành nhiệm vụ” [8; tr.378].

Mặc dù sống ở thời hiện đại, nhưng với người Nhật, phẩm chất khắc kỉ, ý chí mạnh mẽ của Samurai luôn hiện hữu, là kim chỉ nam cho hành động. Công cuộc Minh Trị Duy Tân chắc chắn sẽ không thể thành công nếu thiếu đi vai trò của tầng lớp võ sĩ - những người vừa tinh thông tri thức vừa có phẩm chất và kỷ luật của một chiến binh [9].

Soi chiếu 7 đức tính cao quý của một võ sĩ, ta có thể thấy, Mishima với các nhân vật trong truyện ngắn của ông hầu hết đều sở hữu những phẩm chất này:

1. Nghĩa: Là tinh thần chính nghĩa, được ví như xương sống của Võ sĩ đạo. Kẻ có tài năng và học vấn uyên thâm nhưng thiếu tinh thần chính nghĩa thì không xứng được tôn xưng là một võ sĩ.

2. Dũng: Là dũng khí để thực thi chính nghĩa. Song Võ sĩ đạo không đề cao sự “hữu dũng vô mưu”, mà thay vào đó là “dũng khí chân chính” để biến lòng can đảm thành hành động có ý nghĩa.

3. Nhân: Là lòng nhân từ, trắc ẩn đối với kẻ yếu, kẻ thua cuộc. Đây là phẩm chất cần có của kẻ đứng trên người khác.

4. Lễ: Cùng với lòng nhân, sự khiêm nhường và tôn trọng cảm xúc của người khác là cội nguồn của lễ. Điều này được thể hiện qua thái độ, cách ứng xử trong đời sống xã hội.

5. Chân thành: Võ sĩ không nói hai lời. Sự dối trá, lọc lừa bị xem là biểu hiện của sự hèn nhát. Vì vậy lời của võ sĩ nói ra chính là lời bảo chứng cho tất cả.

6. Danh dự: Gắn với trọng danh dự là biết xấu hổ. Kẻ làm võ sĩ phải sống thanh cao, không hổ thẹn với chính mình.

7. Trung nghĩa: Là lòng trung thành tuyệt đối với chủ nhân. Song đó không phải sự “ngu trung”, mà đối với sai lầm của chủ phải dám nói lên chính kiến của mình [9]

Tinh thần của những phẩm chất cao quý này ngập tràn trong tác phẩm của Mishima, tuy nhiên, ở một vài yếu tố bị đẩy lên đến mức cực đoạn tạo ra sự khác biệt – đôi khi gây sốc với độc giả - trong sáng tác của ông. Ở nhiều tác phẩm, nhân vật của Mishima bộc lộ khoái cảm với cái chết, máu và nước mắt, sự cô đơn đau khổ. Đôi chỗ, ta thấy ông tôn thờ cái chết như tôn thờ cái đẹp, hoặc giả, ông tìm thấy vẻ đẹp từ sự chết chóc. Vì vậy tinh thần thượng võ bushido trong tác phẩm Mishima đã được chiếu rọi bằng nhân sinh quan thẩm mỹ đặc biệt của riêng ông.

2.3. Lí tưởng bushido trong cái đẹp có cả sự mãnh liệt của sự sống và cái chết

Có thể khẳng định, nhân vật của Mishima có khoái cảm tìm đến những cảm giác mãnh liệt, dù là sự sống hay cái chết thì đều phải được tái hiện dưới sắc màu rực rỡ nhất của nó. Mishima ngạc nhiên vì “con người hiện đại hầu như không có ham muốn (như của người Hy Lạp cổ đại) để sống “đẹp” và chết “Đẹp” [3]. Chỉ khi ấy, chúng ta mới đi đến tận cùng của sự sống và cái chết.

Yoko, Sugio hay người bà trong *Đôi cánh* (Tsubasa) đều có niềm vui sống-phi-thường. Yoko và Sugio, đều nghĩ người còn lại thực sự có một đôi cánh trên vai, đôi cánh của một thiên thần nên Sugio đã cố nhìn ngắm Yoko sau hơi nước mờ sương của cửa kính phòng tắm, “Sugio chăm chú theo dõi động tác của đôi cánh, tuy nhiên hơi nước mờ mờ không cho phép cậu thấy những đường nét rõ ràng hiện ra sau từng động tác. Cậu chỉ mừng tượng như có một vàng

sương mù, một đôi cánh trắng hư ảo đang treo trên bờ vai nhỏ nhắn. Thế mà Sugio tin rằng cậu đã thấy được đôi cánh ấy” [10; tr.43]. Yoko cũng vậy, cô tưởng tượng thấy Sugio bay, “Lúc đó hòng súng sẽ ngắm ngay vào đôi cánh của cậu. Đôi cánh sẽ nhuộm đầy máu và thân xác cậu rơi thẳng xuống. Như một con chim bị đạn, trong chốc lát, đôi cánh ấy sẽ đập cuồng loạn khi cậu ngã lộn chiêng trên mặt đất. Cậu sẽ chết...” [10; tr.42]. Sống đẹp đẽ và chết trong bạo liệt là những điều họ thường nghĩ về. Người bà của Yoko cũng thế, bà “vui vẻ phá lên cười” và khen ngợi cô cháu xinh đẹp của mình trước mặt Sugio nhưng khẳng định, “trên đất Nhật này chắc không có người thứ hai đẹp như bà đâu” [10; tr.42]. Một biểu cảm thật tuyệt vời của người vui vẻ, vô cùng tự tin với niềm yêu sống mãnh liệt.

Thực ra, xúc cảm sống này xuất phát từ tư duy tận hiến của người Nhật. Sống trong một đất nước có vị trí địa lý nhạy cảm – là quốc đảo giữa biển Đông, thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt với động đất, sóng thần, bão tuyết và núi lửa, vô hình trung, người Nhật hình thành một thói quen sống hết mình, trân trọng mọi phút giây hiện tại. Hoa anh đào có thể sớm nở, tối tàn, nhưng khoảnh khắc bung nở nó luôn hết mình rực rỡ, chính vì thế loài hoa tưởng chừng như mong manh ấy đã trở thành quốc hoa của xứ Phù Tang. Tận hiến đến từng phút giây hiện hữu là vẻ đẹp mà Nhật Bản vươn tới.

Tốt cùng vẻ đẹp của sự sống và cái chết cũng là điều được thể hiện mạnh mẽ trong *Uu quốc* (Yuukyoku), nơi cặp vợ chồng ưu tú trung úy Takeyama Shinji và người vợ tuyệt sắc giai nhân Reiko thể hiện lòng yêu nước tuyệt đối đúng theo tinh thần bushido. Câu chuyện thông qua sự kiện binh biến ngày 26 tháng 2 năm 1936, khi các bạn thân nhất của anh tham gia cuộc nổi loạn, rơi vào tình thế bất buộc là các toán quân hoàng gia sẽ phải tấn công lẫn nhau. Trung úy Takeyama đau đớn trước tình thế nội da nẫu thịt này đã tự sát theo nghi thức seppuku của một samurai và chỉ để lại một câu duy nhất “Quân đội Hoàng gia muôn năm” trong thư tuyệt mệnh.

Cái đẹp mà sự mãnh liệt của cả sự sống lẫn cái chết chính là vẻ đẹp được ngưỡng mộ tôn thờ dù đó là vẻ đẹp nam tính hay nữ tính. “Trung úy chăm chú cạo râu. Đó sẽ là gương mặt anh mang khi chết. Không nên để sót một dấu vết khó ưa nào. Khuôn mặt sạch nhẵn đã tìm lại nét rạng rỡ tuổi trẻ dường như làm sáng hẳn tấm gương mờ. Anh tự nhủ, đặt cạnh bộ mặt tử thần, gương mặt chói chang sức khỏe này hẳn phải thanh lịch lắm” [10; tr.16]. Đứng trước ranh giới của sự sống và cái chết, trung úy vẫn bình tĩnh chuẩn bị cho mình một diện mạo đẹp đẽ nhất, đàng hoàng nhất. Một loạt cảm xúc mãnh liệt trào dâng trong lòng, nhưng dù đứng ở góc độ nào, cũng chỉ có thể giải thích bằng thiên hướng duy mỹ mạnh mẽ của tác giả. Reiko - người vợ của trung úy, một trang tuyệt sắc giai nhân, cũng quyết đi cùng chồng. Nàng có gương mặt yêu kiều với “chiếc trán cân đối mát mẻ trầm lặng như đỉnh ngọn Phú Sĩ, rèm mi dài dưới đôi mày mỏng trên cặp mắt nhắm, sống mũi thanh tú, hàm răng bóng ngời giữa môi mọng đều đặn, hai má mềm mại và chiếc cằm ngoan xinh xinh”. Vẻ đẹp tuyệt mỹ ấy của nàng được chồng cảm nhận vào thời khắc sinh tử của cả hai, và “những nét ấy gợi lên trong đời trung úy hình ảnh gương mặt người chết thật rạng rỡ” [10; tr.19].

Hai vẻ đẹp nam tính và nữ tính ấy, trong thời khắc quyết định của số phận, vẫn tận hiến cho nhau tình yêu mãnh liệt lần cuối cùng. “Không ai nói lời nào... những tiếng “yêu lần cuối” vô hình đã được viết rõ ràng trên từng phân ly thân thể. Trung úy kéo vợ áp sát mình, hôn tới tấp như vũ bão. Lưỡi họ mơn man nhau tìm kiếm đến từng ngõ ngách trơn ướt... Những đau đớn còn chưa cảm biết, nỗi kinh hoàng của cơn hấp hối còn xa xôi khiến sự đón nhận khoái cảm càng thăm thẳm” [10; tr.18]. “Đây là lần cuối anh nhìn thấy thân thể em. Nằm yên anh ngắm” – “đề em xem... Em cũng muốn được ngắm anh, lần cuối” [10; tr.18-19] là cặp đối thoại cuối cùng trong cuộc yêu cam lặng đầy chiêm ngắm.

Có lẽ, không đâu ngoài *Uu quốc* mang lại cho độc giả những cảm xúc ghê tởm đến thế: vì cái đẹp, vì cái bi thương, và vì sự mãnh liệt. Sự mạnh mẽ của tinh thần thượng võ dù đứng trước sự sống hay cái chết, thông qua lăng kính duy mỹ “kiểu Mishima” khiến chúng ta bị ám

ảnh khôn nguôi. Đó chính là lí tưởng về vẻ đẹp, thái độ sống đậm tinh thần tận hiến mà nhà văn muốn vươn tới.

Với *Onnagata* (nam diễn viên chuyên đóng vai nữ trong kịch Kabuki) cũng vậy. “Matsuyama yêu nhất cảnh công nương bị trói bằng dây thừng vào cây anh đào. (...) Diễn xuất của Mangiku chắc chắn sở hữu những khoảnh khắc mang sức mạnh quý dữ. Bằng đôi mắt khả ái được tận dụng tối đa, chỉ với một ánh nhìn, Mangiku cũng có thể gây ra ảo giác cho toàn bộ khán giả rằng nhân vật trong bức tường đã hoàn toàn thay đổi thái độ” [10; tr.95]. Đây là vẻ đẹp mạnh mẽ phát tiết từ tài năng riêng có của người diễn viên này, khiến “nhân vật nàng Omiwa lột xác, gương mặt nàng phơi bày một niềm đam mê mãnh liệt như bị quý ám” [10; tr.96], thứ tài năng gây ám ảnh tới mức Matsuyama “kinh hoàng”! Có thể thấy niềm đam mê tận hiến trong từng khoảnh khắc của mỗi nhân vật trong truyện ngắn Mishima, họ luôn sống căng mình đến từng tế bào tinh vi nhất. Không chỉ có khả năng diễn xuất ám ảnh thần sâu, Mangiku còn khiến người đối diện “cảm nhận được ngọn lửa băng giá tỏa ra từ vẻ đẹp lạnh lùng của chàng” [10; tr.93].

Nữ danh ca đóng vai Hồ Điệp phu nhân trong *Hồn bướm* (Choco), cũng có một tài năng trác tuyệt và khi luống tuổi cũng mang vẻ đẹp gây ám ảnh. “Mỗi sáng bà đứng hát bên bờ hồ thì chỉ trong chốc lát đã thấy chim chóc tụ lại thành đàn trên những chòm cây như muốn cất tiếng hòa ca với bà” [10; tr.162]. Và khi về già, nữ danh ca mang vẻ đẹp ma mị của một con bướm đang hấp hối, “chỉ có thể nói đó là một sự tàn tạ tuyệt mĩ” [10; tr.163]. Phải chăng Mishima bị hấp dẫn bởi những vẻ đẹp mạnh mẽ ám ảnh và tính cách quyết liệt? Các nhân vật của ông đều sở hữu những đẹp mang hơi hướng địa ngục, gây ấn tượng mãnh liệt với người chiêm ngắm. Mạnh mẽ hết mình trong từng khoảnh khắc cũng là một biểu hiện của tinh thần thượng võ mà một samurai Nhật Bản luôn hướng tới.

Không chỉ dựng xây những cá tính và vẻ ngoài mang xu hướng bushido, Mishima cũng tạo dựng những tình huống, ngôn ngữ giàu thứ cảm xúc đặc biệt này. Đứng trước mỗi tình tiết đánh của vị cao tăng già gần đắc đạo dành cho hoàng phi (*Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga*), tâm trạng cũng mang “Hagakure tính”: “Kẻ tưởng mình đã bình yên như bàn thạch này sắp sửa thành trúc chẻ ngói tan” [10; tr.213]. “Hagakure tính” còn đặt nhân vật vào những cảnh huống đối lập gây ấn tượng mạnh mẽ: sự già nua xấu xí của vị cao tăng song hành với vẻ lộng lẫy đẹp đẽ của hoàng phi, địa ngục âm ti song hành với cõi tịnh độ và hoàn cảnh sống xa hoa của hoàng cung, hay hoàng phi cũng bất ngờ bị vị cao tăng thu hút bởi sự tò mò với tôn giáo, với quyết tâm mãnh liệt của cao tăng vì nàng đã quá chán những hào hoa giả dối và nhạt nhẽo,... Rõ ràng, Mishima đã dựng tâm – qua hàng loạt nhân vật – để thể hiện lí tưởng bushido của mình.

Niềm đam mê kiếm đạo luôn bùng cháy trong Mishima. Chúng ta thường bắt gặp hình ảnh Mishima trong các ảnh viện với tạo hình thủy thủ bị đắm tàu, võ sĩ Samurai bị đao kiếm xuyên qua, thậm chí là cả hình ảnh chúa Giêsu bị đóng trên cây thập tự. Mishima cũng có biệt tài trong việc miêu tả tâm lí con người đặc biệt là tâm lí đàn ông, những chuyển động tâm lí tinh tế, phức tạp đều được ông khắc họa hết sức sinh động. Với Mishima, đàn ông thì sống sao cho xứng đáng là một trang nam nhi hảo hán, phụ nữ thì phải xinh đẹp, tài năng, tiết nghĩa, ai ai cũng tận hiến cho lí tưởng từ mọi giác quan, chính là điều mà ông gửi gắm qua từng nhân vật.

2.4. Cõi chết nhẹ tựa lông hồng

Dùng khí, mạnh mẽ để thực thi lí tưởng và cõi chết nhẹ tựa lông hồng là phẩm chất không thể thiếu của người Samurai. *Hagakure* cho rằng “Là tùy tùng, cần say mê phụng sự chủ tướng. Kẻ nào nhản mặt trước nhiệm vụ quan trọng mà sợ nguy hiểm rút lui thì chỉ là một kẻ hèn khiếp nhược” [8; tr.163]. Chính vì thực thi lí tưởng là nhiệm vụ hàng đầu nên con người hành động thường không bao giờ khiếp sợ hậu quả trước mắt cho dù đó là cái chết. Chàng trung úy Takeyama Shinji (*Ưu quốc*) sẵn sàng chết vì lí tưởng, còn vợ anh, vì yêu và cùng chung lí tưởng với chồng, nên đã tạ tội song thân để ra đi cùng anh với tư cách là “vợ của một quân nhân”. Họ đều rất trẻ, đẹp, mới kết hôn được nửa năm và cùng dừng cảm giã từ cuộc sống theo

nghi thức seppuku đầy đau đớn. Có thể thấy, với con người sống theo lí tưởng bushido, cái chết như một tất yếu bình thường của cuộc sống: không sợ hãi, không nao núng.

Không dừng lại ở mức độ coi cái chết là điều bình thường, Mishima còn chủ động đẩy cảm xúc của độc giả tới ngưỡng giới hạn khi nhà văn gần như là tôn thờ vẻ đẹp của cái chết, tìm thấy khoái cảm khi chiêm ngắm sự sống kết thúc. Có thể khẳng định *Chim công* (Kujaku) là tác phẩm khắc họa thành công cái đẹp và cái chết. “Tomioka nghĩ rằng dùng hai chữ “xa hoa” để ví von với việc nuôi nấng và chăm sóc đàn công thì thật phù hợp, nhưng phải chăng nếu đem nó đối chiếu với việc tàn sát chúng thì biết đâu lại còn tương xứng hơn nữa” [10; tr.194], bởi bộ lông dù quyến rũ sắc sảo màu nhưng vẫn còn thiếu màu đỏ của máu, “chính lúc đó người ta mới thấy dòng máu quý giá màu đỏ thắm, cái màu mà bộ lông công hãy còn thiếu, đã vọt ra và vẽ lên trên đó những đường nét tinh vi và tươi tắn” [10; tr.198]. Chính vì vậy, “Tomioka nhận ra rằng việc không chứng kiến được cảnh thảm sát bầy công có lẽ là điều đáng hối tiếc nhất trong cuộc đời anh” [10; tr.196].

Không chỉ xuất hiện rải rác trong các truyện (những người đàn ông mất vợ khi còn trẻ, vị lão tăng đã đạt đến mức độ vong ngã, không biết xác thịt mình hãy còn hay đã bị hủy diệt, nghi lễ seppuku của vợ chồng trung úy, những đứa trẻ chết đuối, vụ thảm sát bầy công),... hơi hướng của cái chết còn hiển hiện ngay tiêu đề tác phẩm: *Chết giữa mùa hè*, *Hồn bướm*,... càng cho thấy những ám ảnh của tác giả về một định mệnh (dường như) dành cho chính ông từ văn chương đến cuộc đời.

Coi cái chết nhẹ tựa lông hồng là điều không xa lạ trong tinh thần bushido, nhưng đồng nghĩa cái chết với cái đẹp thì chắc chắn không phải là điều phổ biến ngoài Mishima. Đầu đó, chỉ có *Genji* của Murasaki Shikibu (thời Heian) mới đề cập các nhân vật nữ trẻ đẹp biến mất để trở nên bất tử trong lòng người ở lại, sau này độc giả bắt gặp những người đẹp say ngủ, người đẹp chết trẻ trong tác phẩm của Kawabata. Nhưng chỉ như thế, cũng có thể khẳng định Đẹp và Buồn là một định mệnh trong văn chương xứ Phù tang.

2.5. Lí tưởng tuyệt đối trung thành với tình yêu và tổ quốc

Hagakure cho rằng “Trong việc nuôi dạy con trai, ưu tiên hàng đầu là phải khuyến khích dũng khí,... Với con gái, cốt yếu là phải truyền đạt cho cô bé tầm quan trọng của tiết hạnh từ khi còn nhỏ tuổi” [8; tr.360-361], hay một Samurai “nếu không can đảm ở bên ngoài và chận chứa một lòng nhân từ vĩ đại ở bên trong, thì anh ta không thể nào thi hành nhiệm vụ” [17; tr.378]. Tinh thần này thấm đẫm trong các truyện ngắn của Mishima, đặc biệt là *Uỷ quốc* nơi tình yêu đôi lứa và tình yêu tổ quốc đều mãnh liệt và hoà hợp tuyệt đối, bởi “trung úy tin chắc không có gì vẫn đục trong niềm hoan lạc mà cả hai cùng cảm thấy khi quyết định sống chết có nhau” nên hoàn toàn không thấy có “xung khắc nào giữa đòi hỏi xác thịt và sự chân thành của lòng ưu quốc” [10; tr.16]. Rodica Frențiu nhận định, “Trung úy chết vì lòng trung thành với đồng đội của mình, những người mà anh tin rằng anh sẽ *gặp lại* sau khi chết, còn vợ anh chết vì lòng trung thành với chồng. Cái chết và tình yêu là một, hai mặt song sinh của sự *bất tử*” [3; pp.69-90]. Và như vậy, chết không phải là hết, đó chính là khoảnh khắc bất tử hóa lí tưởng trong sự vận động của chiều dài lịch sử.

Với Mishima, lí tưởng và hành động thời khắc không có tính mâu thuẫn. Việc vị cao tăng chùa Shiga ra quyết định tu tập để lên cõi tịnh độ hay quyết định bỏ cõi tịnh độ để đi theo tiếng gọi của tình yêu cũng đều là sự trung thành với lí tưởng của chính bản thân mình. Cuối cùng khi được đáp lại bằng cách cầm tay của hoàng phi vị cao tăng chỉ biết khóc và khóc, vài ngày sau người viên tịch còn hoàng phi từ đây trở đi cũng “cảm thấy con tim mình buốt giá” [10; tr.225]. Họ đã toại nguyện, dù một người về cõi niết bàn, còn một người sống trong hoàng cung nhưng lòng đã quy y cửa Phật. Trung thành với tình yêu và lí tưởng của bản thân mình bất chấp hoàn cảnh, tuổi tác phải chăng chính là tinh thần bushido trong mỗi con người?

Có thể nói, đánh giá một cách công bằng, hành động tự sát của nhà văn nhân danh lí tưởng bảo hoàng, không hoàn toàn ngây thơ, vô nghĩa và cuồng tín như người đương thời nhận định. Đề cao Thiên hoàng như một biểu tượng của văn hóa / tâm linh chính là hồi chuông cảnh báo với một Nhật Bản đầy thương tổn đang chết dần chết mòn trong xã hội theo chủ nghĩa tiêu dùng như vũ bão. Và vì vậy, Mishima xứng đáng là người samurai cuối cùng với tinh thần thượng võ và lí tưởng cao đẹp của một Nhật Bản vĩnh hằng.

2.6. “Cuồng tử” – giới hạn trong tư tưởng Mishima

Tinh thần thượng võ, tình yêu tổ quốc, lòng tự tôn dân tộc của Mishima càng về sau càng bị đẩy lên thái quá, khiến ông bị rơi vào giới hạn của chính mình, các trang văn trở nên đậm máu và đầy sát khí. Có lẽ đây cũng chính là điều khiến hội đồng trao giải Nobel cân nhắc, dù đã nhiều lần đưa ông vào danh sách đề cử. Sinh thời, Mishima luôn bị ám ảnh bởi suy nghĩ “sự hủy hoại một vẻ đẹp đang ở giữa đỉnh cao là cách duy nhất để giữ cho nó tồn tại vĩnh viễn”. Ngay với cả *Kim các tự* (Kinkakujō) - một bảo vật quốc gia, khi tái hiện vụ hỏa hoạn chấn động ngôi đền vàng ấy trong tiểu thuyết cùng tên, ông cũng có những lí giải về động cơ đốt đèn của Mizoguchi với diễn biến tâm lí khá cực đoan và khác biệt: bởi chiến tranh leo thang, máy bay Mỹ liên tục ném bom đe dọa, nên cậu sợ ngôi đền tuyệt mỹ ấy rơi vào tay kẻ thù và bị tàn phá bởi những kẻ dị chủng, và hiện nay, khi đang còn nguyên vẹn, thì cậu – một người Nhật Bản chính gốc – người yêu và tôn thờ cái đẹp của ngôi đền mới có quyền đốt nó – để lưu giữ mãi mãi vẻ đẹp ấy trong tim!

Cuồng tử luôn là điều gây tranh cãi, với những giá trị nhân văn vĩnh hằng mà con người muôn đời hướng tới – dù khác biệt về văn hóa hay ngôn ngữ - ta cũng khó có thể coi cái chết hàng loạt của những chú công xinh đẹp là vẻ đẹp cần vươn tới như suy nghĩ của Tomioka: “Ôi, ta sẽ hối tiếc suốt đời nếu bỏ lỡ cơ hội nhìn được cảnh tượng như vậy. Nếu là kẻ đã làm chuyện ra tay thảm sát đàn công thì có lẽ ta sẽ dành rất nhiều thời giờ để nhìn cho mãn nhãn giây phút diệu kì đó” [10; tr.199]

Yêu vẻ đẹp của cái chết, tôn thờ cái cao cả của sự chết trong tác phẩm, nhưng độc giả cũng không thể ngờ, Mishima lại chọn nghi lễ seppuku – tự sát mổ bụng - để kết thúc cuộc đời mình. Ngày 25 tháng 11 năm 1970, con người vốn là người tôn sùng nền quân chủ phong kiến và bất mãn sau khi chiến tranh kết thúc Nhật Bản phải kí hiệp ước không được sở hữu quân đội ấy, với một con dao găm và vài người học trò thân tín, đã chọn cho mình lối chết của một samurai. Tinh thần này có lẽ cũng được nói dài từ *Harakuge*: “Chết trên chiếc nệm êm là sự lãng phí không tài nào chịu nổi, và không phải là cái kết là một samurai nên kì vọng. Cổ nhân đặc biệt căm phẫn số phận không may phải tàn lụi trên tấm chiếu ngủ” [8; tr.209].

“Mọi người đều có số phải chết vào một lúc nào đó. Có nhiều cách chết, như chết trận, mổ bụng chết, hay bị chặt đầu trong khi hai tay trời chặt sau lưng; nhưng chết ô nhục là cái chết đáng hối hận nhất” [8; tr.356] – đây cũng chính là tinh thần của người vợ viên thiếu úy trong *Uy quốc*. Nàng hiểu chuyện, tin yêu chồng, đồng hành cùng chồng cả trong từng ý nghĩ nên nàng sẵn sàng chết bên chồng khi anh tuấn tiết vì tổ quốc. Cảnh cuối đậm máu và nước mắt có thể là cái đẹp huy hoàng với Mishima nhưng cũng gây ám ảnh với nhiều thế hệ người đọc sau này.

Yukio Mishima – được coi là “Samurai cuối cùng” (the last Samurai) của thời hiện đại. Tài năng của ông, lại kết hợp với lí tưởng tôn quân bảo hoàng cùng tư tưởng cực đoan cá nhân, bị coi là chỉ nở ra những bông “hoa ác” cho nên dù được đề nghị giải Nobel văn chương nhiều lần, tư tưởng cực đoan đi ngược với tinh thần quý sinh của Alfred Nobel của ông đã là một cản trở không thể vượt nổi cho người muốn trao giải. Nhưng cũng chính vì thế, “văn chương và con người Mishima luôn là đối tượng để mổ xẻ nghiên cứu của các nhà phê bình và người đọc trên khắp thế giới” [10]. Hiểu được hạn chế của Mishima trong tư duy cá nhân ông cũng như tư duy thời đại Nhật Bản đương thời, độc giả có lẽ – sẽ phần nào – hiểu được tư duy độc đáo của một nền văn hóa nhiều khác biệt.

3. Kết luận

Dù cuộc đời và văn nghiệp gây nhiều tranh cãi, nhưng không thể phủ nhận, Mishima là một phần không thể thiếu trong bức tranh văn học hiện đại Nhật Bản. Bản sắc của một dân tộc với tinh thần thượng võ chính là điều mà Hội đồng Nobel Thụy Điển tìm thấy sự khác biệt giữa Mishima với các nhà văn khác và nhiều lần đưa ông vào danh sách đề cử. Tuy nhiên, ranh giới của sự khác biệt giữa thẩm mỹ và sự cuồng tín là điều rất khó xác định. Thế giới bên ngoài (đương thời) không phải là nơi thích hợp cho những anh hùng sống đơn thuần vì lí tưởng như ông. Bằng cách tự sát, Mishima có lẽ đã thoát khỏi thời gian lịch sử. Và tác phẩm của ông cũng vậy, luôn là miền đất hứa với cả độc giả đơn thuần cũng như các nhà nghiên cứu.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 602.04-2020.307.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Michiaki Fuji, 2010. Yukio Mishima and Hagakure: Bushido that Modern Japanese Bookmen Practiced. *Taiwan Journal of East Asian Studies*, Volume 7, Issue number 2, pp. 255-288.
- [2] Kanagawa, 2014. *Mishima Yukio – “the lost samurai”*. Nguồn: <https://japantoday.com/category/features/opinions/yukio-mishima-the-lost-samurai>
- [3] Rodica Frențu, 2010. “Yukio Mishima: thymos between aesthetics and ideological fanaticism”. *Journal for the Study of Religions and Ideologies*, 9, 25 (Spring 2010): pp.69-90 ISSN: 1583-0039 © SACRI
- [4] Khương Việt Hà, 2018. Lưỡng cực thẩm mỹ trong tác phẩm *Kim các tự* của Mishima Yukio”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 12, tr. 61-74.
- [5] Đào Thị Thu Hằng, 2007. “Kim các tự - một công án về cái đẹp của Yukio Mishima”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 6; tr. 61-70.
- [6] Hà Linh, 2006. *Yukio Mishima - huyền thoại về một 'Hemingway Nhật Bản'*. Nguồn: <https://vnexpress.net/yukio-mishima-huyen-thoai-ve-mot-hemingway-nhat-ban-2142043.html>
- [7] Donald Keene, 1987. *Dawn to the West: Japanese Literature of the Modern Era*. Henry Holt and Company, New York
- [8] Yamamoto Tsunetomo, 2020. *Hagakure – luận đàm về cốt tủy võ sĩ đạo*, Hồ Hồng Đăng dịch. Nxb Dân trí, Công ti Nhã Nam.
- [9] Kim Oanh, 2020. *Võ sĩ đạo: Giá trị cốt lõi của tâm hồn Nhật*. Nguồn: <https://kilala.vn/van-hoa-nhat/vo-si-dao-gia-tri-cot-loi-cua-tam-hon-nhat.html>
- [10] Mishima Yukio, 2020. *Chết giữa mùa hè*. Nxb Hội Nhà văn, Tao đàn.
- [11] Sabine Frühstück and Anne Walthall, 2011. *Recreating Japanese Men*. Chapter Title: “Bushidō and the Gendered Bodies of the Japanese Nation” by Michele M. Mason (pp.68-90.), University of California Press.
- [12] Alexander Lee, 2017. “Portrait of the Author as a Historian: Yukio Mishima”. *History Today*, Volume 67, Issue 4, pp.54-55.
- [13] Apud Marguerite Yourcenar, 2001. *Mishima: A Vision of the Void*, (translated by Alberto Manguel, Chicago: University of Chicago Press), p.146.
- [14] Gwenn Boardman Petersen, 1992. *The Moon in the Water: Understanding Tanizaki, Kawabata, and Mishima*. University of Hawaii Press, Honolulu.
- [15] Đào Thị Thu Hằng, 2018. *Nhà văn Nhật Bản thế kỉ XX*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

- [16] Lam Anh, 2021. *Văn học Nhật Bản vẻ đẹp mong manh và bất tận*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [17] Nguyễn Nam Trân, 2011. *Tổng quan Lịch sử Văn học Nhật Bản*, Quyển Hạ: *Từ Cận Kim đến Hiện Kim*, Chương 30 : *Mishima Yukio và Ôe Kenzaburô - Hai khuôn mặt của một Janus*. Nxb Giáo dục. Nguồn: <http://www.erct.com/2-ThoVan/NNT/29-Oe-Mishima.htm>

ABSTRACT

Bushido (武士道) - loyal to the king and patriotism in Mishima Yukio's short stories

Dao Thi Thu Hang

Office for Science and Technology Management, Hanoi National University of Education

Throughout his entire career, Mishima Yukio has always presented as a writer of martial spirit and beauty. Studying the his short stories, we can see a Mishima full of loyal to the king and patriotic with many criteria pushed to the limit. “Bushido” or “loyal to the king and patriotic” is that he not only inherited from his family background, from the situation of Japan protecting the imperial period, but also from favorite books named *Hagakure*. In his work, the ideal man in the *bushido* spirit is the full image of the modern Samurai: loyal to the king and patriotism, treating death as light as a feather and whether every moment of life or death, people also donate a rare beautifulness. However, it is because of the trend fascinated by death, his work has a sense of death fanaticism. This is probably the unfortunate limitation of a genius that people still praise as a strange “evil flower”.

Keywords: Mishima Yukio, death fanaticism, *bushido*, patriotism, martial spirit.